TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 64/2026/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 66/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp H, xã B, tỉnh V

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kỳ D, sinh năm 2000.

Địa chỉ: ấp H, xã B, tỉnh V.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị Kỳ D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đình T1, sinh ngày 05/05/2018 cho nguyên đơn anh Nguyễn Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 11/02/2021, Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 26/11/2023 cho bị đơn chị Nguyễn Thị Kỳ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đình T, chị Nguyễn Thị Kỳ D, không cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị Kỳ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002114 ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, còn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) trả lại cho anh Nguyễn Đình T.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 4 - VL;
- UBND xã B, tỉnh V (Theo GCNKH số 63/2018 ngày 14/11/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Nga